

Số: 1348T/QĐ-UBND

Vũng Tàu, ngày 09 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU VỐN ĐỐI VỚI DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG
THUỘC NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ VŨNG TÀU TRONG NĂM 2022**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 152/NQ-HĐND ngày 27/12/2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Vũng Tàu về việc phê chuẩn kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025; Nghị Quyết số 200/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của HĐND thành phố Vũng Tàu về việc phê chuẩn điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình đầu tư công trung hạn 2021-2025 và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đợt 2 đối với các công trình đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách thành phố trong năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết 201/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 về việc phê chuẩn kế hoạch đầu tư XDCB, kiến thiết thị chính, quy hoạch đô thị năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 14879/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND thành phố Vũng Tàu về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 30/3/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Vũng Tàu phê chuẩn điều chỉnh, bổ sung dự án khởi công mới trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và điều chỉnh cơ cấu kế hoạch vốn các công trình đầu tư bằng nguồn ngân sách thành phố Vũng Tàu trong năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2911/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của UBND thành phố Vũng Tàu về việc điều chỉnh bổ sung danh mục dự án khởi công mới và điều chuyển cơ cấu vốn đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp thuộc ngân sách thành phố Vũng Tàu trong năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 27/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Vũng Tàu phê chuẩn bổ sung danh mục kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 và điều chỉnh kế hoạch vốn đợt 1 các công trình đầu tư bằng nguồn ngân sách thành phố Vũng Tàu trong năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 10143/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND thành phố Vũng Tàu về việc bổ sung danh mục dự án đầu tư công trung hạn 2021-2025 và điều chỉnh kế hoạch vốn đợt 1 đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp thuộc ngân sách thành phố Vũng Tàu trong năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 12260/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND thành phố Vũng Tàu về việc điều chỉnh cơ cấu vốn đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp thuộc ngân sách thành phố Vũng Tàu trong năm 2022;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 4470/TTr-PTCKH ngày 07/12/2022 của phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cơ cấu vốn đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách thành phố Vũng Tàu trong năm 2022 với nội dung cụ thể theo biểu phụ lục số 01 đính kèm.

(Các dự án, công trình không thuộc diện điều chỉnh kế hoạch vốn đợt này vẫn thực hiện theo kế hoạch vốn đã được ban hành kèm theo Quyết định số 10143/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 và Quyết định số 12260/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND thành phố Vũng Tàu).

Điều 2. Phòng Tài chính - Kế hoạch căn cứ kế hoạch vốn các dự án được điều chỉnh kế hoạch vốn tại Quyết định này có trách nhiệm Thông báo nội dung điều chỉnh đến chủ đầu tư để triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố Vũng Tàu; Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Vũng Tàu; Thủ trưởng các đơn vị được giao làm Chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ quyết định này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TTr. Thành ủy TPVT;
- TTr. HĐND TPVT (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND TPVT;
- Chánh VP HĐND & UBND TPVT;
- Ban QLDA ĐTXD2
- Lưu: VT, TH.



CHỦ TỊCH

Hoàng Vũ Thành



**TỔNG HỢP DANH MỤC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH
ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022**

NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

(Bao gồm kèm theo Quyết định số **13487**/QĐ-UBND ngày **09/12**/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu)

Phụ lục số 01

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn theo QĐ 10143/QĐ-UBND và QĐ 12260/QĐ-UBND			Kế hoạch vốn điều chỉnh			Tăng, giảm kế hoạch vốn 2022 (+/-)	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
					XL-CPK	BTGPMB		XL-CPK	BTGPMB		
1	2	3	4	5 = 6+7	6	7	8 = 9+10	9	10	11	12
	DỰ ÁN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 10143/QĐ-UBND NGÀY 03/10/2022 VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 12260/QĐ-UBND NGÀY 18/8/2022 CỦA UBND TPVT: 34 DỰ ÁN		1.940.706,924	515.931,234	165.249,967	350.681,267	515.931,234	131.411,140	384.520,094	0,000	
1	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP: 18 DỰ ÁN		993.145,501	213.403,749	116.554,967	96.848,782	183.282,475	87.182,967	96.099,508	(30.121,274)	
L1	LĨNH VỰC Y TẾ - GIÁO DỤC: 02 DỰ ÁN		43.694,830	20.690,000	20.690,000	0,000	20.720,000	20.720,000	0,000	30,000	
1	Mở rộng Trường Tiểu học Hai Nam, phường 12, thành phố Vũng Tàu	Ban QLDA ĐTXD 2	22.286,772	10.590,000	10.590,000		10.300,000	10.300,000		(290,000)	
2	Mở rộng trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vũng Tàu	Ban QLDA ĐTXD 2	21.408,058	10.100,000	10.100,000		10.420,000	10.420,000		320,000	
L2	LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÂY DỰNG TRỤ SỞ: 02 DỰ ÁN		57.285,774	12.395,967	10.395,967	2.000,000	10.385,777	8.495,967	1.889,810	(2.010,190)	
1	Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng phường 12, thành phố Vũng Tàu	Ban QLDA ĐTXD 2	35.495,374	4.395,967	2.395,967	2.000,000	4.285,777	2.395,967	1.889,810	(110,190)	
2	Xây mới hội trường Thành uy tại số 04 Hoàng Hoa Thám, Phường 2, thành phố Vũng Tàu	Ban QLDA ĐTXD 2	21.790,400	8.000,000	8.000,000		6.100,000	6.100,000		(1.900,000)	
L3	LĨNH VỰC GIAO THÔNG - HÀ TÀNG: 14 DỰ ÁN		892.164,897	180.317,782	85.469,000	94.848,782	152.176,698	57.967,000	94.209,698	(28.141,084)	
1	Đường Lê Thánh Tông, thành phố Vũng Tàu	Ban QLDA ĐTXD 2	39.211,690	2.000,000	1.500,000	500,000	922,400	800,000	122,400	(1.077,600)	
2	Cải tạo nâng cấp đường Triệu Việt Vương, phường 4, TPVT giai đoạn 1	Ban QLDA ĐTXD 2	6.366,740	450,000	400,000	50,000	247,000	200,000	47,000	(203,000)	
3	Mở rộng hẻm số 90 đường Hoàng Văn Thụ nối thông ra đường Trương Công Định	Ban QLDA ĐTXD 2	52.155,124	20.170,000	3.670,000	16.500,000	19.432,000	3.367,000	16.065,000	(738,000)	
4	Cải tạo nâng cấp đường Nguyễn Thiện Thuật (đoạn từ trạm y tế đến ngã ba Hàng Dương)	Ban QLDA ĐTXD 2	36.566,597	3.000,000	1.000,000	2.000,000	1.441,300	500,000	941,300	(1.558,700)	
5	Cải tạo, nâng cấp đường Đỗ Chiểu	Ban QLDA ĐTXD 2	81.024,373	7.730,000	4.730,000	3.000,000	6.575,100	3.716,500	2.858,600	(1.154,900)	
6	Cải tạo vỉa hè còn lại đường Trương Công Định (đoạn từ đường Nguyễn An Ninh đến Lương Thế Vinh)	Ban QLDA ĐTXD 2	20.521,811	6.000,000	1.000,000	5.000,000	690,200		690,200	(5.309,800)	
7	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Bao, phường Thới Nhì	Ban QLDA ĐTXD 2	91.743,073	17.000,000	2.000,000	15.000,000	23.706,500	2.500,000	21.206,500	6.706,500	
8	Cải tạo, nâng cấp đường vào trạm rác hẻm 413 Trần Phú, phường Thới Nhì	Ban QLDA ĐTXD 2	54.416,000	4.100,000	4.100,000		1.000,000	1.000,000		(3.100,000)	
9	Cải tạo, nâng cấp đường Mạc Đĩnh Chi, phường 4, thành phố Vũng Tàu	Ban QLDA ĐTXD 2	178.734,091	33.798,782	4.500,000	29.298,782	32.370,198	3.900,000	28.470,198	(1.428,584)	
10	Nâng cấp, mở rộng đường Hoàng Việt, phường Thới Nhì	Ban QLDA ĐTXD 2	115.363,800	25.500,000	2.000,000	23.500,000	25.308,500	1.500,000	23.808,500	(191,500)	



1	2	3	4	Kế hoạch vốn theo QĐ 10143/QĐ-UBND và QĐ 12260/QĐ-UBND			Kế hoạch vốn điều chỉnh			Tăng, giảm kế hoạch vốn 2022 (+/-)	11	12
				Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
					Tổng số	XL-CPK		BTGPMB	XL-CPK			
5 = 6+7	6	7	8 = 9+10	9	10							
11	Cải tạo, nâng cấp các tuyến hẻm trên địa bàn phường Thăng Nhất	Ban QLDA ĐTXD 2	2.064.403	680.000	680.000		410.000	410.000		(270.000)		
12	Cải tạo vỉa hè đường Lê Hồng Phong (đoạn từ Lê Lợi đến Nguyễn Thị Minh Khai)	Ban QLDA ĐTXD 2	92.480.686	34.939.000	34.939.000		12.821.500	12.821.500		(22.117.500)		
13	Cải tạo vỉa hè đường Hoàng Hoa Thám	Ban QLDA ĐTXD 2	49.929.060	14.950.000	14.950.000		15.200.000	15.200.000		250.000		
14	Xây dựng tuyến kênh Đồng Sát 2, thành phố Vinh	Ban QLDA ĐTXD 2	71.587.449	10.000.000	10.000.000		12.052.000	12.052.000		2.052.000		
II	DỰ ÁN KHÔI CÔNG MỚI: 11 DỰ ÁN		344.061.102	181.595.000	48.145.000	133.450.000	186.488.759	43.868.173	142.620.586	4.893.759		
II.1	LĨNH VỰC Y TẾ - GIÁO DỤC: 06 DỰ ÁN		37.744.618	28.780.000	28.780.000	0.000	28.824.874	28.824.874	0.000	44.874		
1	Cải tạo, sửa chữa trường Tiểu học Hạ Long	Ban QLDA ĐTXD 2	2.209.360	2.200.000	2.200.000		2.133.154	2.133.154		(66.846)		
2	Mở rộng trường Tiểu học Thăng Tam	Ban QLDA ĐTXD 2	19.377.809	11.000.000	11.000.000		11.200.000	11.200.000		200.000		
3	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Duy Tân; Trường mầm non Sen Hồng	Ban QLDA ĐTXD 2	4.620.551	4.280.000	4.280.000		4.241.358	4.241.358		(38.642)		
4	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Vinh Tàu; Mầm non Phường 3	Ban QLDA ĐTXD 2	2.817.252	2.750.000	2.750.000		2.720.000	2.720.000		(30.000)		
5	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Sao Việt; trường Tiểu học Đoàn Kết	Ban QLDA ĐTXD 2	2.692.228	2.550.000	2.550.000		2.620.782	2.620.782		70.782		
6	Cải tạo, sửa chữa trường Tiểu học Nguyễn Thái Học	Ban QLDA ĐTXD 2	6.027.418	6.000.000	6.000.000		5.909.580	5.909.580		(90.420)		
II.2	LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÂY DỰNG TRỤ SỞ: 01 DỰ ÁN		1.860.742	1.800.000	1.800.000	0,000	1.668,299	1.668,299	0,000	(131,701)		
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở trên địa bàn phường 7, 10, Rachel Dừa	Ban QLDA ĐTXD 2	1.860.742	1.800.000	1.800.000		1.668.299	1.668.299		(131.701)		
II.3	LĨNH VỰC GIAO THÔNG - HẠ TẦNG: 04 DỰ ÁN		304.455.742	151.015.000	17.565.000	133.450.000	155.995.586	13.375.000	142.620.586	4.980.586		
1	Cải tạo, nâng cấp đoạn cuối đường Bà Huyện Thanh Quan, phường 4	Ban QLDA ĐTXD 2	11.181.044	11.015.000	515.000	10.500.000	10.476.000	120.000	10.356.000	(539.000)		
2	Cải tạo, mở rộng hẻm số 297 đường Trương Công Định, phường 3, thành phố Vinh	Ban QLDA ĐTXD 2	1.558.857	1.000.000	50.000	950.000	950.000	50.000	900.000	(50.000)		
3	Cải tạo, nâng cấp đoạn cuối đường Lê Lợi (đoạn từ đường Thăng Nhì đến Cầu Quan)	Ban QLDA ĐTXD 2	71.546.189	4.000.000	2.000.000	2.000.000	3.177.586	2.613.000	564.586	(822.414)		
4	Khu công viên ao cá Phường 2, thành phố Vinh	Ban QLDA ĐTXD 2	220.169.652	135.000.000	15.000.000	120.000.000	141.392.000	10.592.000	130.800.000	6.392.000		
III	DỰ ÁN BỔ TRỢ BTGPMB: 04 DỰ ÁN		402.809.991	120.732.485	350.000	120.382.485	146.060.000	260.000	145.800.000	25.327.515		
1	Cải tạo, nâng cấp đường Chu Mạnh Trinh (đoạn từ Lê Phụng Hiểu đến Lê Hồng Phong), phường 8	Ban QLDA ĐTXD 2	183.441.000	74.432.485	50.000	74.382.485	91.530.000	50.000	91.480.000	17.097.515		
2	Cải tạo, nâng cấp đường Phạm Văn Đình, phường Thăng Nhất	Ban QLDA ĐTXD 2	161.795.284	10.200.000	200.000	10.000.000	25.110.000	110.000	25.000.000	14.910.000		
3	Cải tạo, nâng cấp hẻm 1686 đường Võ Nguyên Giáp (đường vào trường TH Võ Nguyên Giáp), phường 12	Ban QLDA ĐTXD 2	28.424.381	15.050.000	50.000	15.000.000	9.050.000	50.000	9.000.000	(6.000.000)		
4	Xây dựng công viên xã Long Sơn	Ban QLDA ĐTXD 2	29.149.326	21.050.000	50.000	21.000.000	20.370.000	50.000	20.320.000	(680.000)		
IV	DỰ ÁN CHUAN BỊ ĐẦU TƯ: 01 DỰ ÁN		200.690.330	200.000	200.000	0,000	100,000	100,000	0,000	(100,000)		
IV.1	LĨNH VỰC GIAO THÔNG - HẠ TẦNG: 01 DỰ ÁN		200.690.330	200.000	200.000	0,000	100,000	100,000	0,000	(100,000)		
1	Cải tạo, nâng cấp đường Cô Giang, phường 4	Ban QLDA ĐTXD 2	200.690.330	200.000	200.000		100.000	100.000		(100.000)		